

Bản án số: **35/2017/DS-ST**  
Ngày : 28/7/2017  
V/v “*Tranh chấp nợ hụi*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Văn Chính**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Trương Hoàng Dân**
2. Ông **Nguyễn Văn Tùng**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Thị Thúy Kiều** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên tòa:** Không.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2017/TLST-DS, ngày 07 tháng 4 năm 2017, về “*Tranh chấp nợ hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2017/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2017/QĐST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Bé T**, sinh năm 1965. (*có mặt tại phiên tòa*)

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Bà **Hồ Thị U**, sinh năm 1971. (*có mặt tại phiên tòa*)

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Trần Thanh H**, sinh năm 1968 (chồng bà Hồ Thị U), (*vắng mặt tại phiên tòa*)

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 03/4/2017, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 28/4/2017 và Biên bản hòa giải ngày 28/4/2017; các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn*

*Bé T trình bày:*

Bà Nguyễn Bé T tham gia 02 dây hội tháng do bà Hồ Thị U làm chủ hội. Cụ thể như sau:

- *Dây hội thứ nhất:* Mở ngày 25/11/2014, 2.000.000 đồng/phần, có 22 hội viên, tổng cộng là 26 phần. Bà T tham gia 02 phần, góp được 22 lần thì bà U đình hội. Sau khi đình hội bà T bỏ thăm và trúng 01 phần hội, hai bên thỏa thuận bà T nhận số tiền hội đã trúng bằng 44.000.000 đồng và không phải góp lại hội chết cho những hội viên còn lại chưa lĩnh hội. Bà U chưa giao cho bà T số tiền được lĩnh.

Còn lại 01 phần hội sống bà T góp được số tiền thực là 18.985.000 đồng (*Mười tám triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

- *Dây hội thứ hai:* Mở ngày 20/02/2014, 1.000.000 đồng/phần, có 22 hội viên, tổng cộng 32 phần. Bà T tham gia 03 phần, hội đã mãn nhưng bà U chưa giao đủ tiền cho bà T. Dây hội này bà U còn nợ bà T số tiền 49.240.000 đồng (*Bốn mươi chín triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Ngày 15/8/2016 bà U tuyên bố đình hội. Ngày 07/4/2017 bà U có trả cho bà T số tiền 43.840.000 đồng (*Bốn mươi ba triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Tại phiên hòa giải ngày 28/4/2017, sau khi tính toán cần trừ, bà U còn nợ bà T số tiền của 02 dây hội là 44.000.000 đồng + 18.985.000 đồng + 44.240.000 đồng – 43.840.000 đồng = 68.385.000 đồng (*Sáu mươi tám triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

Tại phiên tòa bà T yêu cầu vợ chồng bà U, ông H trả cho bà T số tiền hội còn nợ là 68.385.000 đồng (*Sáu mươi tám triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng*), không yêu cầu tính lãi.

*Tại Biên bản hòa giải ngày 28/4/2017; tại phiên tòa và các lời khai tại Tòa án, bị đơn bà Hồ Thị U trình bày:*

Bà Hồ Thị U thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Bé T. Sau khi tính toán cần trừ, bà U còn nợ bà T số tiền 68.385.000 đồng (*Sáu mươi tám triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

Bà U xác nhận bà U làm chủ hội nhiều năm ông H đều biết. Số tiền hoa hồng bà U có được từ việc làm chủ hội, được sử dụng chi tiêu chung trong gia đình. Bà U và ông H cùng kinh doanh làm ăn để tạo thu nhập và cùng sử dụng tài sản chung.

Tại phiên tòa bà U thừa nhận còn nợ bà T số tiền 68.385.000 đồng (*Sáu*

*mười tám triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng*). Bà U đồng ý trả số tiền trên cho bà T. Nhưng hiện tại hoàn cảnh gia đình khó khăn, xin được trả dần số tiền trên đến hết năm 2017. Đối với trách nhiệm trả nợ của ông H, yêu cầu Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh H (chồng bà U) vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, không có lý do chính đáng*: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H như: Thông báo tham gia tố tụng với tư cách là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông H cố tình lánh mặt, đồng thời không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh H được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai, nhưng ông H vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Bé T với bị đơn bà Hồ Thị U là “*Tranh chấp nợ hụi*”. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

[3] *Về nội dung*: Nguyên đơn bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà U, ông H liên đới trả cho bà T số tiền hụi còn nợ là 68.385.000 đồng (*Sáu mươi tám triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng*), không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà U thừa nhận còn nợ bà T số tiền 68.385.000 đồng (*Sáu mươi tám triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng*). Bà U đồng ý trả cho bà T số tiền trên Nhưng xin được trả dần đến hết năm 2017.

[4] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn T*: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà U thống nhất với lời trình bày của bà T. Bà U thừa nhận việc bà T có tham gia 02 dây hụi nêu trên và số tiền hiện tại bà U còn nợ bà T là 68.385.000 đồng (*Sáu mươi tám triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

Giao dịch tổ chức hội và tham gia chơi hội là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015 và Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hội, biêu, phường. Vì vậy việc bà T khởi kiện bà U là có cơ sở.

[5] *Về trách nhiệm liên đới trả nợ của ông Trần Thanh H:* Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa bà U xác nhận bà U làm chủ hội nhiều năm ông H đều biết. Số tiền hoa hồng bà U có được từ việc làm chủ hội, được sử dụng chi tiêu chung trong gia đình. Bà U và ông H cùng kinh doanh làm ăn để tạo thu nhập và cùng sử dụng tài sản chung. Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho ông H, nhưng ông H cố tình lánh mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Căn cứ Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất buộc ông H có trách nhiệm liên đới cùng bà U trả cho bà T số tiền hội là 68.385.000 đồng (*Sáu mươi tám triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

[6] *Về án dân phí sơ thẩm:* Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Vợ chồng bà U, ông H phải chịu án phí có giá ngạch là 68.385.000 đồng x 5% = 3.419.000 đồng (*Ba triệu bốn trăm mười chín nghìn đồng*).

Hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.435.000 đồng (*Ba triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng*).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 357, Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ; Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Bé T đối với bà Hồ Thị U, về việc "*Tranh chấp nợ hội*".

2. Buộc vợ chồng bà Hồ Thị U, ông Trần Thanh H trả cho bà Nguyễn Bé T số tiền hội là 68.385.000 đồng (*Sáu mươi tám triệu ba trăm tám mươi lăm*

ngàn đồng).

Các bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà U và ông H chậm trả số tiền nêu trên thì háng tháng bà U, ông H còn phải trả cho bà T số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

### 3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

**3.1.** Buộc vợ chồng bà Hồ Thị U, ông Trần Thanh H phải chịu án phí có giá ngạch là 3.419.000 đồng (*Ba triệu bốn trăm mười chín nghìn đồng*).

**3.2.** Hoàn trả cho bà Nguyễn Bé T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.435.000 đồng (*Ba triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0000966 ngày 04/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

**4.** Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.*

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN**

**TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang
- VKSND huyện U Minh Thượng;
- Chi cục THA Dân sự huyện U Minh Thượng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

***Trần Văn Chính***